TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** **TỈNH E**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **63**/2019/DS - ST
Ngày: 19 - 7 - 2019
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phú Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Ngọc Thạch;

2. Ông Nguyễn Công Lập.

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Toà án nhân dân huyện D, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh E tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện D, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2019/TLST- DS ngày 11 tháng 3 năm 2019 về Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXX- ST ngày 13 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Châu Thị A, sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ 4, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh E.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim F, sinh năm 1974 và anh Trương Hoàng G, sinh năm 1970

HKTT: Tổ 2, ấp H, xã K, huyện L, tỉnh E.

Nơi cư trú: Tổ 4, ấp Hội Thanh, xã Tân Hội, huyện D, tỉnh E.

Chị Phượng, anh G, chị F vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn – Chị Châu Thị A trình bày:

Do là chỗ quen biết nên vào ngày 15/8/2018 chị có cho vợ chồng anh Trương Hoàng G và chị Nguyễn Thị Kim F vay 10 chỉ vàng, loại 24 Kara (99%) để anh G,

chị F lo việc gia đình (xây dựng nhà). Anh G và chị F là người trực tiếp vay, nhận số vàng từ chị và cùng viết, ký tên vào giấy biên nhận ngày 15/8/2018. Các bên thỏa thuận thời gian trả là 04 tháng kể từ ngày 15/8/2018 và không thể hiện lãi suất vay. Tuy nhiền kể từ ngày vay cho đến nay vợ chồng anh G, chị F vẫn chưa trả cho chị số vàng trên nên nay chị khởi kiện yêu cầu chị F và anh G có nghĩa vụ hoàn trả cho chị 10 chỉ vàng, loại 24 Kara (99%) và chị không yêu cầu tính tiền lãi.

Căn cứ cho yêu cầu khởi kiện là giấy biên nhận nợ có nội dung và chữ ký, họ tên xác nhận của chị Nguyễn Thị Kim F và anh Trương Hoàng G.

Trong quá trình giải quyết vụ án do chị Nguyễn Thị Kim F và anh Trương Hoàng G đã được tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án và tham dự phiên tòa nhưng chị F và anh G vắng mặt không có lý do nên không có ý trình bày của chị F và anh G đối với yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị A.

Tại phiên toà:

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

+ Do chị Châu Thị A có đơn xin vắng mặt, chị Nguyễn Thị Kim F và anh Trương Hoàng G là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Châu Thị A, chị Nguyễn Thị Kim F và anh Trương Hoàng G.

+ Về việc giải quyết nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị A. Buộc chị Nguyễn Thị Kim F và anh Trương Hoàng G có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Châu Thị A 10 chỉ vàng, loại 24 Kara. Ghi nhận chị A không yêu cầu tính tiền lãi.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim F và anh Trương Hoàng G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Do chị Châu Thị A có đơn xin vắng mặt, chị Nguyễn Thị Kim F và anh Trương Hoàng G là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét

xử vắng mặt đối với chị Châu Thị A, chị Nguyễn Thị Kim F và anh Trương Hoàng G.

[2] Về nội dung vụ án:

- Đối với yêu cầu của chị Châu Thị A khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim F và anh Trương Hoàng G hoàn trả 10 chỉ vàng, loại 24 Kara (9%) thì thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ là biên nhận nợ ngày 15/8/2018 thể hiện bên vay là chị Nguyễn Thị Kim F và anh Trương Hoàng G và bên cho vay là chị Châu Thị A, nội dung giấy vay thể hiện chị A cho cho vợ chồng anh Trương Hoàng G và chị Nguyễn Thị Kim F vay 10 chỉ vàng, loại 24 Kara (99%); chị F và anh G có làm biên nhận nợ và ký tên xác nhận nợ. Qua xác minh tại ấp Hội Thanh, xã Tân Hội, huyện D, tỉnh E là nơi chị F và anh G cư trú thể hiện kể từ tháng 12/2018 cho đến nay chị F và anh G không còn sống tại địa phương, đi đâu không rõ địa chỉ, không báo với chính quyền địa phương và không báo cho chị A biết nơi cư trú mới nên Tòa án không triệu tập được chị F và anh G và không có bất kỳ lời khai nào của chị F và anh G về yêu cầu khởi kiện của chị A. Việc chị F và anh G bỏ đi mà không thông báo nơi ở mới là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Do đó căn cứ vào giấy biên nhận nợ gốc do chị A cung cấp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản của chị Châu Thị A đối với chị Nguyễn Thị Kim F và anh Trương Hoàng G. Buộc chị Nguyễn Thị Kim F và anh Trương Hoàng G có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Châu Thị A 10 chỉ vàng, loại 24 Kara, tại thời điểm xét xử 10 chỉ vàng, loại 24 Kara (99%) có giá trị tại thời điểm giải quyết, xét xử vụ án là 37.100.000 đồng. Ghi nhận chị A không có yêu cầu tính tiền lãi.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị A được chấp nhận nên căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án buộc chị Nguyễn Thị Kim F và anh Trương Hoàng G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 146, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản của chị Châu Thị A đối với chị Nguyễn Thị Kim F và anh Trương Hoàng G:

Buộc chị Nguyễn Thị Kim F và anh Trương Hoàng G có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Châu Thị A 10 (mười) chỉ vàng, loại 24 Kara (99%). Ghi nhận chị A không yêu cầu tính tiền lãi.

2/ Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Kim F và anh Trương Hoàng G phải chịu 1.855.000 (một triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Châu Thị A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Châu Thị A 915.000 (chín trăm mười lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị A đã nộp theo biên lai thu số 0015095 ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh E.

3/ "Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

4/ Báo cho chị Châu Thị A, chị Nguyễn Thị Kim F và anh Trương Hoàng G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh E;
- VKSND tỉnh E;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA DS huyện D;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (S).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Phú Sang